

Bản án số: 600/2017/HSPT
Ngày: 22/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thanh Bình

Các Thẩm phán:

1. Ông Trương Công Huân
2. Ông Đặng Hồng Sơn

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Tuấn – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 554/HSPT ngày 10/10/2017 đối với bị cáo Đặng Phi H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 118/2017/HSST ngày 22/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo kháng cáo:

Đặng Phi H; giới tính: Nam; sinh năm 1974, tại tỉnh Quảng Nam; trú tại: Thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở: Tổ A, ấp D, Xã TN, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: phụ hồ; con ông Đặng Phi P (chết) và bà Nguyễn Thị Xuân K; hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện M thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Phi H và ông Lê Hoàng Tuấn V có họ hàng với nhau nên H thường xuyên ngủ lại nhà ông V tại địa chỉ ấp D2, xã TN, huyện M. Do không có tiền

tiêu xài nên H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của ông V. Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 11/01/2017, H lấy trộm chìa khóa xe máy hiệu SYM màu đen bạc, biển số 55P9-0485 trên tủ lạnh cắm vào ổ khóa xe, dắt xe ra ngoài nổ máy chạy đến tiệm bán xe máy “Anh Kiệt” bán cho Vũ Văn Đ với giá 4.500.000 đồng. Đ hỏi giấy tờ xe thì H nói đã đem cầm với giá 200.000 đồng nên Đ đưa tiền để H chuộc lại giấy tờ đưa cho Đ, sau đó H bỏ trốn. Đến 12 giờ 00 phút ngày 12/01/2017, bà Nguyễn Thị E (mẹ của V) phát hiện xe máy trên trong tiệm “Anh Kiệt” nên gọi điện thoại báo. Sau đó ông V đến Công an trị trấn M trình báo sự việc. Đến ngày 10/4/2017, H ra đầu thú. Tại Cơ quan điều tra, H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên. Đối với giấy đăng ký xe máy, biển số 55P9-0485, H khai nhận trước đó 05 ngày đã mở cốp xe lấy trộm và đem cầm với giá 200.000 đồng.

Đối với Vũ Văn Đ, khi mua xe không biết là do H lấy trộm của người khác nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại Kết luận định giá tài sản số 34/2017 ngày 16/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện M kết luận: 01 xe mô tô nêu trên, trị giá 5.000.000 đồng. Ông V không yêu cầu H bồi thường và đã có đơn xin bãi nại cho H.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 118/2017/HSST ngày 22/8/2017, Tòa án nhân dân huyện M đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Đặng Phi H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Phi H 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và dành quyền khởi kiện cho ông Vũ Văn Đ.

Ngày 30/8/2017, bị cáo H kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo H khai nhận hành vi phạm tội như nội dung của bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Căn cứ nội dung vụ án, tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định bị cáo phạm tội như bản án sơ thẩm đã xét xử. Bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo nhưng không đưa ra được thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới để xem xét. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY:

Bị cáo và kiểm sát viên đều thống nhất xác định bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và không có kháng cáo, kháng nghị về tội danh của bị cáo.

Bản án sơ thẩm nhận định bị cáo H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã thu hồi trả lại cho người bị hại, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, người bị hại đã có đơn xin bãi nại cho bị cáo nên xử phạt bị cáo 06 tháng tù là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp bệnh án và trình bày trước đó bị tai nạn lao động, ngã giàn giáo, hiện nay vẫn đang phải điều trị. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong thời gian tại ngoại bị cáo chấp hành tốt, có nơi cư trú ổn định, đang điều trị bệnh nên cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo. Do đó, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo và sửa bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 248; Điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Phi H.

1. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 118/2017/HSST ngày 22/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên bố bị cáo Đặng Phi H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Đặng Phi H 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày 22/11/2017.

Giao bị cáo Đặng Phi H cho Ủy ban nhân dân Xã TN, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh nơi cư trú để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Đặng Phi H có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi

nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Bị cáo Đặng Phi H không phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo)

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND huyện M; (1)
- P.PC 53 – CA Tp.HCM; (1)
- Cục THADS Tp.HCM (1)
- Chi cục THA huyện M; (1)
- Bị cáo; (1)
- TAND huyện M ; (2)
- Công an huyện M ; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (20) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thanh Bình